

Số: /TB-BNN-VP

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
**Kết quả xếp hạng các địa phương về triển khai công tác
quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2019**

Căn cứ Quyết định số 4070/QĐ-BNN-QLCL ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tại các địa phương;

Căn cứ hồ sơ kết quả tự đánh giá chấm điểm triển khai công tác quản lý an toàn thực phẩm năm 2019 của các địa phương;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả xếp hạng các địa phương về công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2019,

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo Kết quả xếp hạng triển khai công tác quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản năm 2019 của các địa phương theo Phụ lục kèm theo./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để b/c);
- Các Vụ: KHCB&MT, KH, TCCB, PC, TC;
- Các Tổng cục: LN, TS;
- Các Cục: QLCL, TT, BVTV, CN, TY, CB và PTTT Nông sản, KTHT;
- Thanh tra Bộ, VP Bộ; TT Tin học & TK;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TH, QLCL.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG**

Lê Văn Thành

**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CÁC ĐỊA PHƯƠNG
VỀ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM
NÔNG LÂM THỦY SẢN NĂM 2019**

*(Kèm theo Thông báo số /TB-BNN-VP ngày /3/2020
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TT	Địa phương	Điểm thẩm định của hội đồng	Xếp hạng
1	Hà Nội	91.50	Nhóm địa phương triển khai tốt.
2	Bạc Liêu	90.50	
3	Nam Định	90.00	
4	Cần Thơ	89.50	
5	Quảng Ngãi	88.50	
6	Thanh Hoá	88.00	
7	Hòa Bình	87.50	
8	Quảng Bình	86.00	
9	Sóc Trăng	86.00	
10	Long An	85.50	
11	Hà Nam	84.00	
12	Phú Thọ	82.00	
13	Tiền Giang	82.00	
14	Hà Giang	81.50	
15	Đồng Nai	80.50	
16	Trà Vinh	80.50	
17	Sơn La	79.00	Nhóm địa phương triển khai đạt yêu cầu.
18	Quảng Ninh	78.50	
19	Hải Dương	78.00	
20	Cà Mau	77.50	

TT	Địa phương	Điểm thẩm định của hội đồng	Xếp hạng
21	Đà Nẵng	77.50	
22	Thái Bình	77.50	
23	Kiên Giang	76.50	
24	Gia Lai	76.00	
25	Lâm Đồng	76.00	
26	Vĩnh Phúc	76.00	
27	Tp. Hồ Chí Minh	75.50	
28	Ninh Thuận	75.50	
29	Điện Biên	75.00	
30	Kon Tum	75.00	
31	Quảng Trị	74.50	
32	Thừa Thiên Huế	74,50	
33	Đắk Lắk	74.00	
34	Hung Yên	74.00	
35	Thái Nguyên	74.00	
36	Bình Định	73.50	
37	Tây Ninh	73.50	
38	Bà Rịa - Vũng Tàu	73.00	
39	Vĩnh Long	72.00	
40	Hải Phòng	71,50	
41	Lai Châu	71.50	
42	Ninh Bình	71.50	
43	Bình Thuận	71.00	

TT	Địa phương	Điểm thẩm định của hội đồng	Xếp hạng	
44	Đắk Nông	71.00		
45	Hà Tĩnh	71.00		
46	Lào Cai	71.00		
47	Tuyên Quang	71.00		
48	Bình Phước	70.00		
49	Quảng Nam	69.00		
50	Bến Tre	68.00		
51	Bắc Kạn	67,50		
52	Bắc Giang	67,50		
53	Phú Yên	67.00		
54	Bắc Ninh	66.50		
55	Hậu Giang	66.50		
56	Khánh Hoà	65.00		
57	Nghệ An	65.00		
58	Yên Bái	63.00		
59	An Giang	62.50		
60	Cao Bằng	62.00		
61	Lạng Sơn	61.00		
62	Đồng Tháp	Không nhận được hồ sơ tự chấm điểm của địa phương.		
63	Bình Dương			